

Số: 639 /QĐ-UBND

Yên Lăng, ngày 21 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Yên Lăng năm 2023
trình hội đồng nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN LĂNG

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/ 2015;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 343/2016/ TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ biên bản thảo luận ngân sách ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa UBND xã Yên Lăng, Chi cục thuế khu vực Sông Công - Đại Từ, Phòng tài chính-kế hoạch;

Căn cứ kết quả phiên họp Ban chấp hành Đảng ủy ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc thống nhất số liệu thu – chi ngân sách xã Yên Lăng năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã Yên Lăng trình hội đồng nhân dân cấp xã cụ thể như sau:

(Theo biểu số 103,104,105,106,107/CK TC-NSNN và thuyết minh kèm theo quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng UBND, công chức Tài chính- Kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- Trưởng xóm trong toàn xã;
- Lưu: VP HĐND - UBND.



CHỦ TỊCH

Lục Văn Thực



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	8.488.000	TỔNG SỐ CHI	8.488.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	205.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	385.000	II. Chi thường xuyên	7.844.000
III. Thu bổ sung	7.459.000	III. Dự phòng	140.000
- Bổ sung cân đối	7.459.000	IV. Tiết kiệm chi	65.000
- Bổ sung có mục tiêu		V. Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang:	439.000
IV. Thu chuyển nguồn			
V. Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang:	439.000		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán thu năm 2023		So sánh %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
I	TỔNG THU	13.591.333	13.026.239	9.098.000	8.488.000	66,94	65,16
	Các khoản thu 100%	222.738	222.738	205.000	205.000	92,04	92,04
	Phí, lệ phí	148.054	148.054	115.000	115.000	77,67	77,67
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		-				
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		-				
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		-				
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		-				
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		-				
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		-				
	Thu khác	74.684	74.684	90.000	90.000	120,51	120,51
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.058.954	493.859	995.000	385.000	93,96	77,96
1	Các khoản thu phân chia	412.815	412.815	385.000	385.000	93,26	93,26
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		-				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		-				
	Thuế ngoài quốc doanh (thuế hộ khoán có định GTGT)	289.308	289.308	270.000	270.000	93,33	93,33
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	123.507	123.507	115.000	115.000	93,11	93,11
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	565.095	-	610.000	-	107,95	
	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	465.339		480.000		103,15	

	Thuế TNCN từ SXKD		99.755		130.000		130,32	
	Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công							
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		81.044	81.044				
	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp		78.146	78.146				
	Thu từ đất ở tại nông thôn		2.898	2.898				
III	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang:		264.838	264.838	439.000	439.000		
IV	Thu chuyển nguồn		8.827	8.827				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		34.621	34.621				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		12.001.356	12.001.356	7.459.000	7.459.000	62,15	62,15
	- Bổ sung cân đối		6.684.798	6.684.798	7.459.000	7.459.000	111,58	111,58
	- Thu bổ sung có mục tiêu		5.316.558	5.316.558				

Đ. X. Y. E. N.



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			DỰ TOÁN NĂM 2023			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	12.561.489	4.099.790	8.461.699	8.488.000	-	8.488.000	67,57		100,31
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	139.464		139.464	139.464		139.464			100,0
4	Chi văn hóa thông tin	985.000	950.000	35.000	35.000		35.000	3,55		100,0
5	Chi phát thanh truyền hình									
6	Chi thể dục thể thao	1.772.945	1.745.234	27.711	27.711		25.000	1,56		90,2
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi hoạt động kinh tế	1.522.237	1.404.556	117.681			165.000			140,2
9	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.389.432		7.389.432	7.266.420		7.266.420	98,34		98,3
10	Chi cho công tác xã hội	197.484		197.484	213.116		213.116	107,92		107,9
11	Chi khác									
12	Dự phòng ngân sách+ tiết kiệm chi	135.000		135.000	205.000		205.000			151,9
13	Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2022 chuyển sang:	419.927		419.927	439.000		439.000			

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Tên công trình	Ước thực hiện năm 2022			Kế hoạch năm 2023		
	Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
Tổng số	481.779.141	398.773.160	83.005.981	290.950.981	290.950.981	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	481.779.141	398.773.160	83.005.981	290.950.981	290.950.981	0
Quỹ tình nghĩa (đền ơn đáp nghĩa)	85.170.141	58.339.140	26.831.001	56.011.001	56.011.001	0
Quỹ trẻ thơ (bảo trợ trẻ em)	45.003.500	40.873.800	4.129.700	34.269.700	34.269.700	0
Quỹ vì người nghèo	55.055.500	33.985.000	21.070.500	49.790.500	49.790.500	0
Quỹ chung tay vì người nghèo	123.035.000	120.000.000	3.035.000		0	
Quỹ khuyến học	72.485.000	47.645.220	24.839.780	54.379.780	54.379.780	0
Quỹ nhân đạo	37.534.000	34.500.000	3.034.000	33.104.000	33.104.000	0
Quỹ chăm sóc người cao tuổi	30.666.000	30.600.000	66.000	30.566.000	30.566.000	0
Quỹ phòng chống thiên tai	32.830.000	32.830.000	0	32.830.000	32.830.000	0
2. Các hoạt động sự nghiệp						
Chợ						
Bến bãi						

Chênh lệch (-) do tồn cuối kỳ năm trước chuyển sang



CÔNG KHAI THUYẾT MINH

Dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2023 trình hội đồng nhân dân cấp xã
(Kèm theo Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND xã Yên Lãng)

Căn cứ luật ngân sách nhà nước năm 2015 ;

Căn cứ thông tư 343/2016/ TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ biên bản thảo luận ngân sách ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa UBND xã Yên Lãng, Chi cục thuế khu vực Sông Công - Đại Từ, Phòng tài chính- kế hoạch;

Căn cứ kết quả phiên họp BCH đảng ủy ngày 21 tháng 12 năm 2022 của BCH Đảng ủy xã Yên Lãng

UBND xã Yên Lãng thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2023 trình hội đồng nhân dân cấp xã như sau:

1. Thu ngân sách:

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025

Dự toán thu ngân sách năm 2023: 9.098.000.000 đồng trong đó: thu cân đối : 1.200.000.000 đồng, ngân sách xã hưởng năm 2023: 590.000.000đồng, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 7.459.000.000đồng, thu nguồn cải cách tiền lương năm 2022 chuyển sang: 439.000.000 đồng.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2023		Ghi chú
		Tổng thu NS	NS xã hưởng	
	Tổng thu (I+II+III+IV)	9.098.000	8.488.000	
I	Thu cân đối	1.200.000	590.000	
1	Thu ngoài quốc doanh	270.000	270.000	
	Thuế GTGT	270.000	270.000	
2	Thuế thu nhập cá nhân	610.000		
	Thuế TNCN từ thuế chuyển quyền bất động sản	480.000		
	Thuế TNCN từ SXKD			

		130.000		
3	Lệ phí trước bạ nhà đất	115.000	115.000	
4	Thu phí lệ phí	115.000	115.000	
	Lệ phí môn bài	41.000	41.000	
	Lệ phí chứng thư	74.000	74.000	
5	Thu khác tại xã	90.000	90.000	
II	Thu trợ cấp	7.459.000	7.459.000	
1	Trợ cấp cân đối	7.459.000	7.459.000	
III	Thu nguồn cải cách tiền lương năm 2021 chuyển sang	439.000	439.000	

2. Chi ngân sách.

Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2022

Chi đầu tư phát triển : Phân bổ theo Nghị quyết của HĐND huyện và đã được tổng hợp báo cáo trong báo cáo đầu tư công năm 2023

Chi thường xuyên: Năm 2023 là năm thứ 2 của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022- 2025, định mức phân bổ cơ bản không có nhiều thay đổi. Định mức chi thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Ngoài ra năm 2023 bổ sung thêm một số chế độ chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành (Kinh phí khoán cho người tham gia công việc của xóm, tổ dân phố, kinh phí toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh; chế độ phụ cấp dân phòng...) hỗ trợ kinh phí may trang phục cho Hội đồng nhân dân và kinh phí thực hiện đề án 06 chuyển đổi số.:

Dự toán chi ngân sách năm 2023: 8.488.000.000 đồng trong đó: Chi thường xuyên: 7.844.000.000đồng, tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 65.000.000 đồng, chi chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2022 chuyển sang: 439.000.000 đồng dự phòng: 140.000.000đồng

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị tính: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Số chi phân bổ năm 2023	Ghi chú
A. Tổng chi ngân sách: I+II+III+IV+V	8.488.000	
I. Chi đầu t phát triển	-	
<i>I. Chi đầu t xây dựng cơ bản</i>	-	
Nguồn ngân sách		
Nguồn đóng góp		
II. Chi thường xuyên	7.844.000	
Chi công tác dân quân TV, ANTT	1.452.437	
Chi dân quân tự vệ	657.255	
- Chi lương, phụ cấp , BH, KPCĐ, PC thâm niên, Chi PC XĐP + DQTV	451.835	
- Chi khác(cả KP huấn huyện dân quân)	205.420	
Chi an ninh trật tự	795.182	
- Chi PC CAV	725.182	
- Chi khác	70.000	
Chi sự nghiệp giáo dục		
Sự nghiệp y tế	139.464	
Sự nghiệp văn hoá, thông tin	35.000	
Sự nghiệp thể dục, thể thao	25.000	
Sửa chữa hệ thống loa truyền thanh	100.000	
Sự nghiệp kinh tế	65.000	
Nạo vét các tuyến kênh mương	50.000	
Bê thu goam voe bao bì thuốc BVTV	15.000	
Sự nghiệp thị chính		
Thương mại, dịch vụ		
Các sự nghiệp khác		
Sự nghiệp xã hội	213.116	

Hưu xã và trợ cấp khác	203.116	
Khác	10.000	
Chi QL nhà nước, đảng, đoàn thể	5.813.983	
Hội đồng nhân dân	398.300	
- Chi lương, phụ cấp CB, BH, KPCĐ	244.300	
- Chi khác	154.000	Kinh phí hoạt động 84 triệu, trang phục ĐBHDND 70 triệu
Ủy ban nhân dân	3.201.431	
- Chi lương CBCC, CT, PC, BH, KPCĐ	1.953.880	
- Công tác XH tình nguyện	37.548	
- Hỗ trợ xóm theo NQ 07/HĐND tỉnh TN	442.000	
- Cải cách hành chính đề án 06 chuyển đổi số	50.000	
- Cộng tác viên thú y theo NQ 20/2021	17.880	
- Chi khác (cả thuê bảo vệ)	700.123	
Đảng cộng sản Việt Nam	981.848	
- Chi lương, PC, BH, KPCĐ	861.848	
- Chi khác	120.000	
Mặt trận tổ quốc	517.536	
- Chi lương, PC, BH, KPCĐ	232.536	
- Chi khác	12.000	
- Chi cụm dân cư (26xóm x 8triệu)	208.000	
- Chi BCĐ KDC	30.000	
- Toàn dân đoàn kết XD đời sống VH đô thị VH	20.000	
- Chi thanh tra nhân dân	5.000	
- Chi giám sát cộng đồng	10.000	
Đoàn thanh niên CSHCM	131.500	
- Chi lương, PC, BH, KPCĐ	119.500	
- Chi khác	12.000	

Hội Liên hiệp phụ nữ	148.900	
- Chi lương + PC, BH, KPCĐ	136.900	
- Chi khác	12.000	
Hội nông dân Việt Nam	146.500	
- Chi lương, PC, BH, KPCĐ	119.500	
- Chi khác	27.000	Hoạt động thường xuyên: 12 Triệu, Đại hội: 15 triệu
Hội cựu chiến binh Việt Nam	101.800	
- Chi lương, PC, BH, KPCĐ	89.800	
- Chi khác	12.000	
Hội người cao tuổi	88.200	
- Chi phụ cấp	25.600	
- Chi khác	62.600	Chúc thọ mừng thọ: 62,61r
Hội chữ thập đỏ	25.600	
- Chi phụ cấp	25.600	
Hội Cựu TNXP	16.092	
- Chi phụ cấp	16.092	
Hội NN chất độc Da cam	24.092	
- Chi phụ cấp	16.092	
-Đại hội	8.000	
Hội khuyến học	16.092	
- Chi phụ cấp	16.092	
Hội đông y	16.092	
- Chi phụ cấp	16.092	
III. Dự phòng	140.000	
IV. Chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2022 chuyển sang	439.000	
V. TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN	65.000	

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2023 trình hội đồng nhân dân cấp xã

Hôm nay, hồi 8 giờ ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại UBND xã Yên Lãng

Thành phần gồm có:

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông: Lục Văn Thực | - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã |
| 2. Bà: Nguyễn Thanh Sơn | - Chức vụ: Công chức Tài chính – Kế toán |
| 3. Bà: Nông Thị Hương | - Chức vụ: Công chức Văn phòng – Thống kê |

Có sự chứng kiến của:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------------|
| 1. Bà: Nịnh Thị Đào | - Phó CTHĐND xã - Chủ tịch công đoàn |
| 2. Ông: Hoàng Công Định | - Thanh tra nhân dân |

***/ Nội dung:** Lập biên bản niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2023 trình hội đồng nhân dân cấp xã với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2023 trình hội đồng nhân dân cấp xã của UBND xã Yên Lãng.

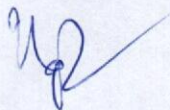
(Có phụ biểu số 103/CKTC-NSNN, số 104/CKTC-NSNN, số 105/CKTC-NSNN, số 106/CKTC-NSNN, thuyết minh kèm theo)

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 22/12/2022 đến hết ngày 26/01/2023.

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại Trụ sở UBND xã Yên Lãng, trên hệ thống loa truyền thanh, trên trang thông tin điện tử cấp xã.

Biên bản lập xong hồi 9 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Nông Thị Hương

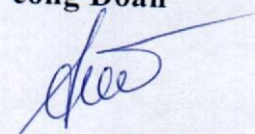
Kế toán



Nguyễn Thanh Sơn

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP

công Đoàn



Nịnh Thị Đào

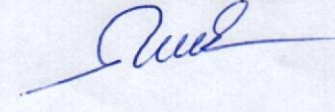
TM. UBND XÃ YÊN LÃNG

Chủ tịch



Lục Văn Thực

Thanh tra nhân dân



Hoàng Công Định

BIÊN BẢN

Về việc kết thúc niêm yết công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2023 trình hội đồng nhân dân cấp xã

Hôm nay, hồi 14 giờ ngày 27 tháng 01 năm 20123, tại UBND xã Yên Lãng

Thành phần gồm có:

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông: Lục Văn Thực | - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã |
| 2. Bà: Nguyễn Thanh Sơn | - Chức vụ: Công chức Tài chính – Kế toán |
| 3. Bà: Nông Thị Hương | - Chức vụ: Công chức Văn phòng – Thống kê |
- Có sự chứng kiến của:
- | | |
|--------------------------|--------------------------------------|
| 1. Bà: Nịnh Thị Đào | - Phó CTHĐND xã - Chủ tịch công đoàn |
| 2. Ông : Hoàng Công Định | - Thanh tra nhân dân |

***/ Nội dung:** Xác nhận kết quả kết thúc niêm yết công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2023 trình HĐND cấp xã với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Ủy ban nhân dân xã Yên Lãng đã công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2023 trình HĐND cấp xã của UBND xã Yên Lãng.

(Có phụ biểu số 103/CKTC-NSNN, số 104/CKTC-NSNN, số 105/CKTC-NSNN, số 106/CKTC-NSNN kèm theo)

- Thời gian niêm yết công khai là 35 ngày: bắt đầu kể từ ngày 22/12/2022 đến hết ngày 26/01/2023.

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại Trụ sở UBND xã Yên Lãng, trên hệ thống loa truyền thanh, trên trang thông tin điện tử cấp xã, thông qua trường xóm để thông báo tới nhân dân.

Trong thời gian niêm yết không nhận được ý kiến nào phản ánh về số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã Yên Lãng năm 2023 trình HĐND cấp xã

Biên bản lập xong hồi 15 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

Nông Thị Hương

Kế toán

Nguyễn Thanh Sơn

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP

công Đoàn

Nịnh Thị Đào

TM. UBND XÃ YÊN LÃNG

Chủ tịch



Lục Văn Thực

Thanh tra nhân dân

Hoàng Công Định